

Vĩnh Long, ngày 28 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG

Căn cứ vào các điều 212, 213, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 345/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Phú C, sinh năm 1993;

Căn cước công dân số: 083093011121;

Nơi cư trú: Số A, ấp A, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường A, tỉnh Vĩnh Long).

- Bà Bùi Thị H, sinh năm 1996;

Căn cước công dân số: 075196004629;

Nơi cư trú: Tổ B, ấp C, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã S, tỉnh Đồng Nai).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Phú C và bà Bùi Thị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã S, tỉnh Đồng Nai) vào ngày 17/12/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nên đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Ông C và bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông C và bà H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, không yêu cầu cấp dưỡng

giữa vợ và chồng khi ly hôn. Sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: Ông C và bà H khai không có nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Ông C và bà H khai không có nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Ông C và bà H khai không có nên không xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông C và bà H thống nhất tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét thấy: Các thỏa thuận trên của ông C và bà H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên ghi nhận. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Phú C và bà Bùi Thị H thuận tình ly hôn.

Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Ông Lê Phú C và bà Bùi Thị H không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Ông Lê Phú C và bà Bùi Thị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Ông Lê Phú C và bà Bùi Thị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Ông Lê Phú C và bà Bùi Thị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

2. Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ông Lê Phú C và bà Bùi Thị H tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai số 0006332 ngày 08 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long), đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 5 - Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Sông Ray, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Diễm My

